



Thế giới từ góc nhìn sáng tạo

NGHIÊN CỨU KINH DỊCH NGỘ BIẾN TÔNG QUYÊN

Minh Nguyên



Có người nói lịch sử toàn bộ nền văn hóa Trung Quốc từ khởi nguồn đến đầu thế kỷ XX được thu tóm trong năm bộ kinh: Dịch, Thi, Thư, Nhạc, Lễ. Trong đó, Kinh Dịch có giá trị lý luận và thực tiễn cao hơn cả.

Tiền thân của Kinh Dịch ngày nay tương truyền do Phục Hy sáng chế. Ông bắt đầu từ hai ký hiệu: nét liền “—” tượng trưng cho *nghi dương* và nét đứt “--” tượng trưng cho *nghi âm*. Kết hợp theo thứ tự trên dưới, ông tạo ra bộ bốn ký hiệu gọi là *tứ tượng*:

“☰, ☷, ☱, ☴”, tiếp tục thêm vào một nét, ông tạo ra bộ tám ký hiệu gọi là *bát quái*: “☰, ☷, ☱, ☴, ☲, ☵, ☶, ☳”. Thời Phục Hy, Kinh Dịch chỉ dừng lại ở bát quái.

Các nghiên cứu về sau cho rằng bát quái là một hệ thống vận động tuân theo nguyên lý âm dương, ngũ hành.

Sau Phục Hy, Văn Vương chồng các *quái* lên nhau làm thành hệ thống Kinh Dịch 64 *quẻ*. *Quẻ* là từ dùng để chỉ ký hiệu của một nhóm các nét đứt hoặc liền nối trên. Đến đây Kinh Dịch hoàn tất giai đoạn xây dựng *tổ hợp các ký hiệu* (phần quẻ Dịch).

Chu Công bằng những suy đoán của mình về cấu trúc bên trong của mỗi quẻ đã đặt nghĩa cho từng nét (Kinh Dịch gọi từng nét là *hào*). Khổng Tử được xem là người cuối cùng hoàn thành phần nghĩa - lý của Kinh Dịch bằng cách thêm vào phần truyện gọi là *thập dục*. Đến đây có thể xem như hoàn tất phần *nội dung gán cho ký hiệu* (phần lời quẻ Dịch).

Quá trình khai sinh và hình thành của Kinh Dịch có thể tóm tắt bằng một câu trích trong phần “hệ từ” của Kinh Dịch: “*Dịch có thái cực, sinh ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh ra tứ tượng, tứ tượng sinh ra bát quái*”. Có người cho rằng phát biểu này cũng là lô-gích nội tại của Kinh Dịch.

Được xây dựng thuần túy bằng tư duy và ngôn ngữ huyền bí phương Đông, rõ ràng là Kinh Dịch không dễ gì diễn đạt bằng ngôn ngữ khoa học phương Tây.

Để nghiên cứu và sử dụng Kinh Dịch, các nhà nghiên cứu từ trước đến nay đều dựa vào bốn hướng chính: (1) Chú thích, (2) Luận thuật, (3) Khảo chứng và (4) Nghiên cứu dưới ánh sáng của khoa học hiện đại.

(1) Hướng chú thích nhằm đọc hiểu cổ văn và thường có quan điểm bảo thủ khi nghiên cứu, lý giải kinh văn. Tuy nhiên cũng có quan điểm cho rằng phần ký hiệu với nội dung là

không có quan hệ. Ở Việt Nam có xuất bản quyển “Chu Dịch Dịch Chú” của Hoàng Thọ Kỳ và Trương Thiệu Văn đại diện cho các tác phẩm nghiên cứu dịch học theo hướng này.

(2) Hướng luận thuật thì có sự phê phán những thành tựu của người đi trước để đưa ra những kiến giải mới. Nổi bật là tư tưởng sử dụng phép duy vật biện chứng để nghiên cứu Kinh Dịch của học giả Kim Cảnh Phương.

(3) Chú trọng đến khía cạnh lịch sử để có thể khám phá bộ mặt thật của Kinh Dịch là mục tiêu của hướng khảo chứng. Đại diện cho hướng này là Lý Kính Trì với quan điểm nghiên cứu Dịch từ góc độ khảo cổ học. Sự đến gần với cách tiếp cận hiện đại xem như bắt đầu xuất hiện từ đây.

(4) Đi theo hướng nghiên cứu dưới ánh sáng của khoa học hiện đại, các học giả đã áp dụng những phương pháp tư duy và lý luận của triết học phương Tây để nghiên cứu, diễn giải và mở rộng Kinh Dịch. Ưu điểm của hướng này là bóc đi lớp vỏ huyền hoặc của Kinh Dịch vốn bị ảnh hưởng của tư duy thần bí phương Đông qua nhiều thời kỳ. Tiêu biểu cho hướng này là học giả Tiết Học Tiềm dùng dịch lý đối chiếu với thuyết tương đối của Einstein, với cơ học lượng tử, với thuyết cơ học sóng của Schrodinger, với quan điểm số học của Dirac ...

Ngoài ra còn có những hướng đi gây khá nhiều tranh cãi như: Chu Dịch dự trắc học (nếu nói không văn vẻ thì đó là bói dịch); truy tìm nguồn gốc Kinh Dịch về mặt địa lý; nghiên cứu Kinh Dịch trên cơ sở luyện đan của Đạo giáo ...

Như vậy, nghiên cứu Kinh Dịch cho đến nay là cực kỳ đa dạng và đem lại nhiều kết quả. Song việc nghiên cứu ấy cũng đã gặp nhiều khó khăn. Có lẽ khó khăn nhất vẫn là “*cái nhìn thống nhất về bản chất Dịch học*”. Từ việc chú thích Kinh Dịch với vấn đề đặt ra là: lấy nghĩa lý của phần lời quẻ làm chủ hay lấy phần ký hiệu quẻ (mà ngôn ngữ Dịch học còn gọi là tượng số) làm chủ? Cái nào sẽ đem lại ích lợi hơn? ... cho đến vấn đề nghiên cứu Dịch học sử để tìm cơ sở vật chất – đối lập với cơ sở lý luận – lý giải cấu hình tư tưởng qua các thời đại, thấy được nguồn gốc Kinh Dịch ... cả thảy đều không làm rõ được bản chất Kinh Dịch. Lại có ý kiến khác cho rằng không nên hiện đại hóa Kinh Dịch dẫn đến đề cao thái quá tư tưởng cổ nhân như là mầm móng của kiến thức khoa học hiện đại(!)

Hình như người mới bắt đầu tìm hiểu Kinh Dịch thường có sự phân vân, rối rắm về việc hiểu và áp dụng Kinh Dịch. Khái niệm “*giá trị áp dụng*” của Kinh Dịch trong trường hợp này khó mà rõ ràng, và có khi hết bảy phần hư mà chỉ còn ba phần thực. Nếu đi theo những giá trị truyền thống thì cảm thấy Kinh Dịch khá mù mờ, khó hiểu. Còn muốn dò tìm những giá trị mới thì lại không biết bắt đầu từ đâu.

Nhìn từ quan điểm hệ thống, có thể thấy vấn đề đặt ra cho Kinh Dịch hiển hiện và mạch lạc hơn nếu nêu ra cho Kinh Dịch một câu hỏi: “*Kinh Dịch sinh ra để làm gì?*”.

Đây không phải là câu hỏi mới mẻ, bởi nó đã từng được đặt ra và trả lời: “*Kinh Dịch được dùng vào việc bói toán*”. Nhưng không may, trong quá nghiên cứu, sự bất đồng quan điểm vì nhiều lý do đã làm thay đổi hẳn việc xem xét tính hệ thống ban đầu đặt ra cho Kinh Dịch. Các nhà nghiên cứu nhiều khi đã quên đi rằng, tính hệ thống mà họ xem xét phải được sử dụng cho phần ký hiệu quẻ dịch chứ không phải cho phần nghĩa lý đã được gán ghép cho ký hiệu sau đó. Một khi đã được gán ghép, hệ thống xem xét không còn giữ nguyên trạng thái ban đầu và do vậy câu hỏi “*Kinh Dịch sinh ra để làm gì?*” trở thành: “*Lời quẻ dịch sinh ra để làm gì?*”. Có những nghiên cứu cho rằng lời quẻ dịch là bút ký

chiến tranh trong quá trình lật đổ nhà Thương. Như vậy, có thể thấy các học giả khi phát triển sang hướng nghiên cứu **lời quẻ Dịch** đã khác xa quan điểm nghiên cứu tính hệ thống của các ký hiệu ban đầu như thế nào.

Đứng về quan điểm sáng tạo, có thể đánh giá cao vai trò tích cực của việc sáng chế ra những nghĩa mới cho hệ thống ký hiệu ban đầu. Bởi vì từ việc chấp nhận phần lời quẻ, xem như nhà nghiên cứu đã sử dụng sáng chế của tiền nhân để khai thác những giá trị sử dụng mới. Đã có rất nhiều những phát triển lạc quan theo hướng đó. Nhưng cũng có những bất đồng sâu sắc giữa các hệ phái nghiên cứu. Có thể căn nguyên của sự bất đồng khởi nguồn từ việc một số nhà nghiên cứu không đồng tình với cách hiểu văn bản gốc đã được gán ghép cho hệ thống ký hiệu ban đầu. Nhưng cho dù thống nhất được cách hiểu văn bản gốc thì sao? Các học giả vẫn không thể có được những kiến giải giá trị đối với hệ thống ký hiệu Dịch ban đầu. Như vậy một sơ đồ nghiên cứu Kinh Dịch mang tính hệ thống là phần thiếu sót lớn nhất hiện nay. Điều không may, phần thiếu sót này lại là phần lõi của việc giải quyết vấn đề về bản chất Kinh Dịch. Thật đáng tiếc khi “*Tư duy hệ thống*” không được áp dụng ở đây. Một khi không nắm bắt được tính hệ thống ban đầu của Kinh Dịch thì một lô-gích nghiên cứu mạch lạc sẽ không thể có được. Thay vào đó là sự nghiên cứu mang tính chủ quan mà những giá trị thu nhận lắm khi chứa đầy nghi vấn.

Nghiên cứu Kinh Dịch quả thật còn nhiều rối rắm!

SUY NGHĨ KHÔNG CŨ VỀ VẤN ĐỀ KHÔNG MỚI ¹

Vũ Tuyên Hoàng

Trên đường lên ga sân bay Nội Bài (Hà Nội), có tấm panô kẻ hai dòng chữ lớn màu xanh “Suy nghĩ không cũ – về vấn đề không mới”. Hành khách qua lại, nhìn dòng chữ, bình phẩm: “Câu này hay đấy, ý thế mà sâu sắc”. Họ bàn luận và phân tích với nhau. Suy nghĩ không cũ tức là tư duy một cách mới, khác với cách tư duy trước đây, cách tư duy này không có sự sáng tạo. Về vấn đề không mới là vấn đề, sự việc thường xuyên diễn ra, sự đời muôn thuở, ví dụ như những nhu cầu về đời sống vật chất, về tinh thần, về học hành, giao thông, đi lại ... nhưng nếu tách rời hai đoạn câu trên, thì không có ý nghĩa. Hai đoạn này liên kết chặt chẽ với nhau. Do vấn đề, sự việc luôn luôn vận động, chuyển biến không ngừng trong hoàn cảnh mới, nên điều kiện để thực hiện hoặc giải quyết cũng khác với thời gian trước. Vì thế mà cách suy nghĩ và hành động phải đổi mới để phù hợp với tình hình mới, phải đổi mới tư duy. Đây cũng như một phương châm trong cuộc sống và cuộc đời làm việc của mỗi người. Tóm tắt trong hai từ **Đổi mới**. Một hành khách nhắc lại thơ Tố Hữu: “*Ai chiến thắng mà không hề chiến bại. Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần*”. Thử thách đấy. Sợ nhất là suy nghĩ và hành động theo lối mòn ... Trên tấm biển lớn ở ga sân bay, hàng chữ suy nghĩ không cũ – về vấn đề không mới được kẻ bằng màu xanh, xanh rờn.

¹ Thế giới mới số 477, ngày 11/3/2002